

# Câu nhấn mạnh trong tiếng anh



*Câu chỉ hay còn được gọi là câu nhấn mạnh. Chúng được sử dụng khi muốn nhấn mạnh vào một đối tượng hay sự việc nào đó. Câu thường chia làm hai vế, một vế chính và một vế là mệnh đề quan hệ sử dụng that, who, when, while... Hãy cùng chúng tôi tìm hiểu về cấu trúc ngữ pháp này nhé.*

Cấu trúc chung:

*It is/was + ... that/whom/who + ...*

- **Nhấn mạnh chủ ngữ**

It is/was + chủ ngữ (người) + who/that + V

It is/was + chủ ngữ (vật) + that + V

**Ví dụ:**

– Mr. Hung teaches English at my school  
=> It is Mr. Hung who/that teaches English at my school  
– My dog made the neighbors very scared  
=> It was my dog that made the neighbors very scared  
It is my mother who cooks very well.  
**Mẹ tôi chính là người nấu ăn rất giỏi.**

- ***Nhấn mạnh tân ngữ***

It is/was + tân ngữ (người) + that/whom + S + V  
It is/was + tân ngữ (Danh từ riêng) + that + S + V  
It is/was + tân ngữ (vật) + that + S + V

**Ví dụ:**

– I gave her a ring last week.  
=> *It was her that/whom I gave a ring last week.*  
**Cô ấy chính là người mà tôi đã trao nhẫn vào tuần trước.**  
– He met Linh at school yesterday.  
=> *It was Linh that he met at school yesterday.*  
**Anh ấy đã gặp Linh ở trường học ngày hôm qua.**

- ***Nhấn mạnh trạng ngữ (thời gian, nơi chốn, cách thức, lý do,...)***

*It is/was + trạng ngữ + that + S + V + O*

**Ví dụ:**

– I was born in 1990  
=> It was in 1990 that I was born. (**trạng ngữ chỉ thời gian**)

**Tôi sinh ra vào năm 1990.**

– You can learn more new words by using this method.

=> It is by using this method that you can learn more new words. (**trạng ngữ chỉ cách thức**)

- *Bằng phương pháp này bạn có thể học được nhiều từ mới hơn.*

**Ví dụ:**

– I met him in this restaurant.

=> *It was in this restaurant that I met him.*

**Chính là nhà hàng này – nơi tôi và anh ấy đã gặp nhau.**

– My father repaired the bicycle for my sister.

=> It was for my sister that my father repaired the bicycle. (**trạng ngữ chỉ mục đích**)

**Bố tôi sửa đạp em gái tôi.**

Bài tập:

***Điền who, that, whom vào chỗ trống***

1 .It is my brother ..... plays the guitar very well.

2. It is by using this software ..... you can kill computer viruses.

3. It is my sister ..... John falls in love with.

4. It was in this house ..... I was born.

5. It was Sue ..... he gave the whole confidential document.

**Đáp án:**

1. that

2. that

3. that/whom

4. that

*Như vậy, để nắm được dấu hiệu nhận biết và các dạng câu chẻ không phải là khó. Chỉ cần nắm rõ cấu trúc của dạng câu, làm bài tập cũng thật nhiều để có thể xác định được chủ ngữ và vị ngữ chính từ đó làm bài cho thật chính xác rồi.*

*Chúc các bạn học tốt!*